

Bản án số: 37/2022/HC-ST

Ngày 20 - 9 - 2022

V/v “*Khiếu kiện quyết định hành  
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Khánh Vân

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lê Văn Lai

2. Ông Trần Đức Thắng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Lan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa:**  
Ông Bàn Quang Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 20/9/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2022/TLST-HC ngày 18/5/2022 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2022/QĐST-HC ngày 05 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

**1. Người khởi kiện:** Ông Giảng A

HKTT: Xã Mường H, thị xã S, tỉnh Lào Cai.

Chỗ ở hiện tại: Tổ 03, Phường Phan Si P, thị xã S, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Trần Mạnh H.

Địa chỉ: Số nhà 007, Phố T, phường Cốc L, thành phố C, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

**2. Người bị kiện:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai.

Địa chỉ: Số 091 Phố Xuân V, tổ 4, Phường P, thị xã S, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vương Trinh Q - Chức vụ: Chủ tịch UBND thị xã S.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tiến D - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thị xã S. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ban quản lý rừng phòng hộ thị xã S, tỉnh Lào Cai.

Địa chỉ: Số 348 đường Diên Biên P, Phường P, thị xã S, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Tiến M - Chức vụ: Trưởng ban. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

***Người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:***

Ngày 07/03/2022 Chủ tịch Ủy ban nhân dân (Sau đây viết tắt: UBND) thị xã S ban hành quyết định số 149/QĐ-XPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Nội dung quyết định cho rằng ông Giảng A đã chiếm đất chưa sử dụng (diện tích đất đã được UBND tỉnh Lào Cai thu hồi của Ban quản lý rừng phòng hộ tại quyết định số 1107/QĐ-UBND ngày 09/5/2013 để thực hiện dự án Khu tái định cư Tây Bắc) tại tổ 3, phường Phan Si P.

Ngày 30/3/2022 Chủ tịch UBND thị xã S ban hành quyết định số 243/QĐ-CCXP về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Nội dung 02 quyết định trên trái luật xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông A vì những lý do sau:

Về nguồn gốc đất: Diện tích đất chủ tịch UBND thị xã S cho rằng ông A chiếm đất của ban quản lý rừng phòng hộ, nguồn gốc là do gia đình ông A khai hoang từ trước năm 1993, sử dụng ổn định đến nay là hơn 30 năm không có tranh chấp với ai.

Quá trình sử dụng: Gia đình người khởi kiện sử dụng ổn định liên tục, có trồng cây và dựng 01 căn nhà gỗ lợp proximang để ở. Quá trình sử dụng đất gia đình ông A và ban quản lý rừng phòng hộ thị xã S không xảy ra tranh chấp gì, trên diện tích đất gia đình người khởi kiện sử dụng không có rừng trồng. Hiện tại khu đất của gia đình ông đang nằm trong quy hoạch bãi đổ thải Tây Bắc và khu hành chính thị xã S. Các cơ quan chức năng cho biết khu đất của gia đình ông A đang sử dụng bị chồng lấn với đất của ban quản lý rừng phòng hộ Sa Pa. Vì vậy, một số hộ dân trong vùng đã nhiều lần làm đơn đề nghị các cấp chính quyền xem xét.

Ngày 06/01/2022 phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã S có văn bản trả lời nội dung: Hiện nay UBND thị xã S đang phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai triển khai việc đo đạc rà soát đất đai, cắm mốc lập hồ sơ ranh giới sử dụng đất của ban quản lý rừng phòng hộ Sa Pa. Sau khi hoàn thiện hồ sơ sẽ báo cáo và trình UBND tỉnh Lào Cai cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ban quản lý rừng phòng hộ thị xã S.

Ngày 22/3/2022 Hạt kiểm lâm thị xã S cũng có văn bản số 22/HKL-QLR về việc giải quyết đề nghị xác nhận đơn của các hộ dân trong đó có gia đình ông A, nội dung đề nghị giải quyết đất chồng chéo với đất của ban quản lý rừng

phòng hộ trong đó có nội dung trả lời giống như phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã S.

Tuy nhiên, đến nay vụ việc chồng lấn đất giữa hộ gia đình ông A với ban quản lý rừng phòng hộ thị xã S chưa giải quyết xong, chưa có kết luận cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền thì Chủ tịch UBND thị xã S ban hành quyết định xử phạt và cưỡng chế đối với gia đình ông A là không đúng.

Vì vậy ông Giảng A khởi kiện yêu cầu tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai giải quyết:

- Hủy quyết định số 149/QĐ-XPHC ngày 07/3/2022 của Chủ tịch UBND thị xã S về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

- Hủy quyết định số 243/QĐ-CCXP ngày 30/3/2022 của Chủ tịch UBND thị xã S về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Sau khi ông A khởi kiện UBND thị xã S đã hủy 02 quyết định nêu trên, tuy nhiên lý do hủy là để khắc phục sai sót trong trình tự thủ tục ban hành chứ không phải giải quyết quyền lợi cho người khởi kiện. Vì vậy, người khởi kiện vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện.

**Người bị kiện Chủ tịch UBND thị xã S trình bày:**

Sau khi nhận được thông báo thụ lý vụ án số 28/TLST-HC ngày 18/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai, qua kiểm tra hồ sơ, xem xét nội dung yêu cầu, Chủ tịch UBND thị xã S đã ban hành quyết định số 519/QĐ-HBXPVPHC ngày 27/5/2022 hủy bỏ toàn bộ quyết định số 149/QĐ-XPVPHC ngày 07/3/2022 của Chủ tịch UBND thị xã S về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai và quyết định số 561/QĐ-HBCCXP ngày 31/5/2022 hủy bỏ quyết định số 243/QĐ-CCXP ngày 30/3/2022 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Giảng A.

Như vậy, Chủ tịch UBND thị xã S đã ban hành hủy bỏ quyết định số 149/QĐ-XPVPHC ngày 07/3/2022 và quyết định số 243/QĐ-CCXP ngày 30/3/2022, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ban quản lý rừng phòng hộ thị xã S trình bày:**

Ngày 07/3/2022 Chủ tịch UBND thị xã S ban hành quyết định số 149/QĐ-XPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Giảng A do đã thực hiện hành vi chiếm đất chưa sử dụng, diện tích đất này đã được UBND tỉnh Lào Cai thu hồi của Ban quản lý rừng phòng hộ tại quyết định số 1107/QĐ-UBND ngày 09/5/2013 để thực hiện dự án khu tái định cư Tây Bắc. Diện tích ông A có hành vi chiếm đất thuộc diện tích đất nhà nước đã thu hồi của Ban quản lý rừng phòng hộ thị xã S và giao cho UBND huyện Sa Pa thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, quản lý quỹ đất thu hồi để bố trí sử dụng theo đúng quy hoạch. Sau khi nhà nước thu hồi đất có rừng trồng sản

xuất của Ban quản lý rừng phòng hộ, Ban quản lý rừng phòng hộ không quản lý diện tích đất rừng nêu trên, đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng không tiến hành đối thoại được do các bên đương sự đều vắng mặt.

Quá trình giải quyết vụ án người bị kiện đã ban hành các quyết định hành chính hủy bỏ các quyết định hành chính bị kiện nhưng người khởi kiện không rút đơn khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử:

Đối với Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng hành chính đảm bảo đúng quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính năm 2015, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên; căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án và thời hiệu khởi kiện:

Theo đơn khởi kiện ông Giảng A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy quyết định số 149/QĐ-XPHC ngày 07/3/2022 của Chủ tịch UBND thị xã S về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai và quyết định số 243/QĐ-CCXP ngày 30/3/2022 của Chủ tịch UBND thị xã S về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Đây là quyết định hành chính thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai theo quy định tại Điều 30, 32 Luật Tố tụng hành chính và được khởi kiện trong thời hiệu quy định tại Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Xét tính hợp pháp của quyết định số 149/QĐ-XPHC ngày 07/3/2022 của Chủ tịch UBND thị xã S về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

[2.1] Về thẩm quyền ban hành quyết định:

Quyết định số 149/QĐ-XPHC ngày 07/3/2022 của Chủ tịch UBND thị xã S về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Luật xử lý vi phạm; Khoản 2 Điều 38 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện.

Ngày 06/01/2022 Chủ tịch UBND thị xã S ban hành quyết định số 06/QĐ-UBND về giao quyền xử phạt vi phạm hành chính cho cấp phó. Vì vậy, quyết định số 149/QĐ-XPHC ngày 07/3/2022 do Phó Chủ tịch UBND thị xã S ban hành là đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định tại khoản 28 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật xử phạt vi phạm hành chính năm 2020 về việc giao quyền xử phạt.

[2.2] Về trình tự, thủ tục ban hành quyết định:

Ngày 01/3/2022, UBND Phường Phan Si P, thị xã S đã lập biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai số 06/BB-VPHC đối với ông Giảng A. Với nội dung: *“Tổ công tác tiến hành kiểm tra việc làm nhà của ông Giảng A, tại thời điểm kiểm tra ông A vắng mặt (không có mặt tại thời điểm kiểm tra). Qua kiểm tra hồ sơ lưu trữ và các giấy tờ có liên quan ông Giảng A chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp GCNQSDĐ, chưa có giấy phép xây dựng đối với công trình tại tổ 3, Phường Phan Si P, thị xã S. Công trình vi phạm có kích thước: Chiều dài 10m, chiều rộng 4,6m, tổng diện tích 46m<sup>2</sup>, công trình nhà cột gỗ, mái lợp proximang. Thời điểm làm nhà: khoảng tháng 10/2017. Công trình nằm trong GCNQSDĐ đã cấp cho Ban quản lý rừng phòng hộ tại Quyết định số 3591/QĐ-UBND ngày 02/11/2009. Quy định tại điểm a khoản 3 Điều 14 và khoản 5 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ. Tại mục 5 của biên bản, phần ý kiến trình bày của cá nhân vi phạm ghi: “Tôi đã có nhà ở từ năm 2003, sau đó sửa chữa lại. Đề nghị các cơ quan, đơn vị xem xét cho tôi (nội dung trao đổi qua điện thoại)”. Tại mục 11 của biên bản ghi: “Yêu cầu ông Giảng A là người vi phạm có mặt vào hồi 14 giờ 10 phút, ngày 05/01/2022 tại UBND Phường Phan Si P, thị xã S để giải quyết vụ việc. Biên bản lập xong hồi 15 giờ 50 phút ngày 01/3/2022”.*

Căn cứ vào các Điều 57, Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và khoản 29 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử phạt vi phạm hành chính năm 2020 thì biên bản vi phạm hành chính được lập không đúng với quy định cụ thể: Trong biên bản không xác định được diện tích đất lấn chiếm, mà chỉ xác định được công trình vi phạm có kích thước: Chiều dài 10m, chiều rộng 4,6m, tổng diện tích 46m<sup>2</sup>, công trình nhà cột gỗ, mái lợp proximang. Biên bản thể hiện ông A vắng mặt tại thời điểm kiểm tra nhưng tại phần ý kiến trình bày của cá nhân vi phạm lại ghi: *“Tôi đã có nhà ở từ năm 2003, sau đó sửa*

chữa lại, đề nghị các cơ quan, đơn vị xem xét cho tôi. (nội dung trao đổi qua điện thoại” là không đúng, không đảm bảo tính khách quan. Tại thời điểm lập biên bản có người chứng kiến là ông phạm Hồng Thanh và ông Vũ Hồng Trường nhưng không ghi ý kiến của người chứng kiến là thiếu, không có biên bản bàn giao biên bản vi phạm cho người vi phạm. Biên bản lập ngày 01/3/2022 nhưng lại yêu cầu cá nhân vi phạm có mặt vào hồi 14 giờ 10 phút, ngày 05/01/2022 tại UBND Phường Phan Si P, thị xã S để giải quyết vụ việc. Ngoài ra biên bản vi phạm hành chính lập không đúng biểu mẫu phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 118/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ.

Sau khi UBND Phường Phan Si P lập biên bản vi phạm hành chính, Biên bản vi phạm hành chính chưa đảm bảo các quy định của pháp luật nhưng Chủ tịch UBND thị xã S không tiến hành xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm. Đến ngày 07/3/2022, Chủ tịch UBND thị xã S ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 149/QĐ-XPVPHC về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai. Như vậy, trình tự, thủ tục ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 59 Luật xử lý vi phạm hành chính.

[2.3] Về nội dung quyết định:

Quyết định số 149/QĐ-XPVPHC ngày 07/3/2022 có nội dung: “*Xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Giảng A, đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính: Chiếm đất của Ban quản lý rừng phòng hộ thị xã S (đã được UBND tỉnh cấp GCNQSDĐ tại quyết định số 3591/QĐ-UBND ngày 02/11/2009) tại tổ 3, Phường Phan Si P. Tại thời điểm UBND Phường Phan Si P kiểm tra ông Giảng A đã thi công xây dựng 01 công trình nhà cột gỗ, mái lợp proximang, với diện tích là 46,0m<sup>2</sup> trên đất rừng phòng hộ. thời gian vi phạm tháng 10/2017. Quy định tại khoản 5 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai. hình thức xử phạt chính: Phạt tiền. Số tiền xử phạt là 8.000.000 đồng (tám triệu đồng chẵn). Biện pháp khắc phục hậu quả:*

- *Buộc trả lại đất đã chiếm (bằng hình thức tháo dỡ, di chuyển toàn bộ công trình, vật kiến trúc, tài sản, hoa màu.. trên đất vi phạm và bàn giao lại đất đã chiếm cho Ban quản lý rừng phòng hộ thị xã).*

- *Buộc nộp số tiền thu lợi bất hợp pháp là 1.445.700 đồng (Một triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn bảy trăm đồng)”.*

Xét thấy: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông A được ban hành trên cơ sở Biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai số 06/BB-VPHC ngày 01/3/2022. Hành vi vi phạm cụ thể của ông A là chiếm đất rừng phòng hộ theo quy định tại khoản 5 Điều 14 Nghị định số 91/2019 ngày 19/11/2019 của Chính phủ.

Khoản 5 Điều 14 Nghị định số 91/2019 quy định: “*Trường hợp lấn, chiếm đất chưa sử dụng, đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp (trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này) tại khu vực đô thị thì mức xử phạt bằng 02 lần mức xử phạt đối với loại đất tương ứng quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này và mức phạt tối đa không quá 500.000.000 đồng đối với cá nhân, không quá 1.000.000.000 đồng đối với tổ chức*”.

Như đã phân tích ở phần [2.2], việc lập biên bản vi phạm hành chính không đúng theo quy định tại khoản 29 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật xử phạt vi phạm hành chính năm 2020. Biên bản vi phạm hành chính xác định ông Giảng A vi phạm quy định tại điểm a khoản 3 Điều 14 và khoản 5 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ nhưng trong quyết định xử phạt chỉ căn cứ vào khoản 5 Điều 14 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP của Chính phủ là không đúng. Mặt khác, khoản 5 Điều 14 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP không quy định biện pháp khắc phục hậu quả buộc trả lại đất đã lấn chiếm và buộc nộp số tiền thu lợi bất hợp pháp. Biên bản vi phạm hành chính và các tài liệu, chứng cứ do UBND thị xã S cung cấp không có căn cứ chứng minh người khởi kiện thu lợi bất hợp pháp số tiền 1.445.700đ.

Ngoài ra biên bản vi phạm hành chính thể hiện hành vi vi phạm vào khoảng tháng 10 năm 2017, đến thời điểm ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính là ngày 07/3/2022 thì đã hết thời hiệu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 được sửa đổi, bổ sung năm 2020.

Như vậy Chủ tịch UBND thị xã ban hành quyết định số 149/QĐ-XPVPHC ngày 07/3/2022 về việc xử phạt vi phạm hành chính là không đúng quy định của pháp luật.

[3]. Xét tính hợp pháp của quyết định số 243/QĐ-CCXP ngày 30/3/2022 của Chủ tịch UBND thị xã S.

[3.1] Về thẩm quyền ban hành quyết định:

Quyết định số 243/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 38 Luật xử lý vi phạm. Vì vậy, Chủ tịch UBND thị xã S ban hành quyết định trên là đúng thẩm quyền.

[3.2] Về trình tự, thủ tục và nội dung ban hành quyết định:

Ngày 01/3/2022 UBND Phường Phan Si P lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai số 06/BB-VPHC.

Ngày 03/3/2022 UBND Phường Phan Si P có tờ trình số 19/TTr-UBND về việc đề nghị xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Giảng A.

Ngày 07/3/2022 Phó chủ tịch UBND thị xã S được giao quyền ban hành quyết định số 149/QĐ-XPVPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai đối với ông A.

Ngày 29/3/2022, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã S có Tờ trình số 140/TTr-TNMT về việc đề nghị cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với gia đình, cá nhân trong đó có ông Giảng A.

Ngày 30/3/2022, Chủ tịch UBND thị xã S ban hành quyết định số 243/QĐ-CCXP về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Như đã phân tích ở phần [2.3] quyết định số 149/QĐ-XPVPHC ngày 07/3/2022 được ban hành không đúng về trình tự, thủ tục và nội dung. Vì vậy, Chủ tịch UBND thị xã S căn cứ vào quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 149/QĐ-XPVPHC để ban hành quyết định số 243/QĐ-CCXP ngày 30/3/2022 cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Giảng A về nội dung: *“Phải thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả do đã có hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 5 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai. Hậu quả do hành vi vi phạm hành chính gây ra cần khắc phục là: Làm thay đổi hiện trạng, cản trở việc thực hiện quyền của chủ sử dụng đất, biện pháp khắc phục hậu quả phải thực hiện gồm: Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại đất đã chiếm; Buộc tháo dỡ toàn bộ 01 công trình nhà cột gỗ, mái lợp proximang, với diện tích là 46,0m<sup>2</sup> trên đất rừng phòng hộ tại tổ 3, Phường Phan Si P, thị xã S”* là không có căn cứ theo quy định của pháp luật. Như vậy yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ.

[4] Đối với quyết định số 519/QĐ-HBXPVPHC ngày 27/5/2022 của Chủ tịch UBND thị xã S về việc hủy bỏ quyết định xử phạt vi phạm hành chính và quyết định số 561/QĐ-HBCCXP ngày 31/5/2022 của Chủ tịch UBND thị xã S về việc hủy bỏ quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Các quyết định trên đều là quyết định hành chính có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện nên cần xem xét tính hợp pháp của các quyết định này.

[4.1] Về thẩm quyền ban hành quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 13 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ thì Chủ tịch UBND thị xã S và phó Chủ tịch được giao quyền ban hành các quyết định trên là đúng thẩm quyền.

[4.2] Về trình tự, thủ tục và nội dung ban hành quyết định số 519/QĐ-HBXPVPHC ngày 27/5/2022.

Ngày 20/5/2022 UBND Phường Phan Si P có tờ trình số 56/TTr-UBND đề nghị hủy bỏ quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 149/QĐ-XPVPHC



ngày 07/3/2022, lý do: Do UBND phường lập biên bản vi phạm hành chính số 06/BB-VPHC ngày 01/3/2022 chưa đúng quy trình.

Ngày 26/5/2022 Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã S có tờ trình số 280/TTr-TNMT đề nghị Chủ tịch UBND thị xã S hủy bỏ quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 149/QĐ-XPVPHC ngày 07/3/2022.

Ngày 27/5/2022 Phó Chủ tịch UBND thị xã S được giao quyền ban hành quyết định số 519/QĐ-HBXPVPHC về việc hủy bỏ quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Lý do hủy bỏ: *“Vi phạm quy định về thủ tục ban hành quyết định quy định tại điểm c khoản 1 Điều 13 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ”*.

Việc ban hành quyết định số 519/QĐ-HBXPVPHC ngày 27/5/2022 của Phó Chủ tịch UBND thị xã S được giao quyền hoàn toàn đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Luật xử lý vi phạm hành chính; Điều 13 và Điều 15 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ.

[4.3] Về trình tự, thủ tục và nội dung ban hành quyết định số 561/QĐ-HBCCXP ngày 31/5/2022.

Ngày 24/5/2022 UBND Phường Phan Si P có tờ trình số 57/TTr-UBND đề nghị hủy bỏ quyết định số 243/QĐ-CCXP ngày 30/3/2022 của Chủ tịch UBND thị xã S về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. lý do: Do UBND phường lập biên bản vi phạm hành chính số 06/BB-VPHC ngày 01/3/2022 chưa đúng quy trình dẫn đến quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả chưa đảm bảo.

Ngày 26/5/2022 phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã S có tờ trình số 279/TTr-TNMT đề nghị Chủ tịch UBND thị xã S hủy bỏ quyết định số 243/QĐ-CCXP ngày 30/3/2022 của Chủ tịch UBND thị xã S về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Ngày 31/5/2022 Chủ tịch UBND thị xã S ban hành quyết định số 561/QĐ-HBCCXP về việc hủy bỏ quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Lý do hủy bỏ: *“Vi phạm quy định về thủ tục ban hành quyết định quy định tại điểm c khoản 1 Điều 13 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ”*.

Việc ban hành quyết định số 561/QĐ-HBCCXP ngày 31/5/2022 của Chủ tịch UBND thị xã S hoàn toàn đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Luật xử lý vi phạm hành chính; Điều 13 và Điều 15 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ.

Như vậy, yêu cầu khởi kiện của ông Giảng A về việc hủy quyết định số 149/QĐ-XPVC ngày 07/3/2022 của Chủ tịch UBND thị xã S về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Hủy quyết định số 243/QĐ-CCXP ngày 30/3/2022 của Chủ tịch UBND thị xã S về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện

pháp khắc phục hậu quả là có căn cứ. Tuy nhiên các quyết định trên đã được Chủ tịch UBND thị xã S tự hủy bỏ, quyết định hủy bỏ các quyết định trên là có căn cứ và hợp pháp, đúng theo quy định tại khoản 4 Điều 57 Luật Tổ tụng hành chính 2015. Quyền và lợi ích hợp pháp của ông A chưa bị xâm phạm, nên cần bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Giảng A.

[5] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện không được Tòa án chấp nhận nên người khởi kiện phải chịu tiền án phí hành chính sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 18, 28, 38, 57, 58, 59, 67 và Điều 68 Luật xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 91/2019 ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Giảng A về việc yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Hủy quyết định số 149/QĐ-XPHC ngày 07/3/2022 của Chủ tịch UBND thị xã S về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

- Hủy quyết định số 243/QĐ-CCXP ngày 30/3/2022 của Chủ tịch UBND thị xã S về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

2. Về án phí: Người khởi kiện ông Giảng A phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hành chính sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000162 ngày 17/05/2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

*“Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.*

***Nơi nhận:***

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- Cục THADS tỉnh Lào Cai;
- Các đương sự;
- UBND tỉnh Lào Cai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Khánh Vân**

***Nơi nhận:***

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- Cục THADS tỉnh Lào Cai;
- Các đương sự;
- UBND tỉnh Lào Cai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Khánh Vân**